

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **09** /2026/VBHN-NQ-HĐND

Hà Nội, ngày **05** tháng **10** năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của
Hội đồng nhân dân Thành phố**

Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số nội dung chi, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 07 năm 2023, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, hết hiệu lực một phần bởi:

1. Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số nội dung, mức chi về hoạt động đối ngoại của thành phố Hà Nội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số nội dung chi, mức chi đặc thù hỗ trợ công tác phòng, chống ma túy của thành phố Hà Nội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2025.

3. Nghị quyết số 27/2026/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số nội dung và định mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội; có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2026.

4. Nghị quyết số 76/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội và Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 09 năm 2021 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố, có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

5. Nghị quyết số 77/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Phụ lục 03 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2017; Phụ lục 06 ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 và Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố, có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

6. Nghị quyết số 82/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội Quy định chế độ chính sách đối với thành viên đội thể thao Hà Nội tham gia tập trung tập huấn, thi đấu, có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

7. Nghị quyết 90/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định nội dung chi, mức chi đặc thù hỗ trợ công tác phòng, chống ma túy của thành phố Hà Nội, có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI **KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 27/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú”;

Căn cứ Nghị định số 41/2015/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc Nhân dân”, “Thầy thuốc Ưu tú”;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước;

Căn cứ Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc Hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét các Tờ trình: số 188/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2023; số 196/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2023; số 209/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2023; số 210/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2023; số 207/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2023; số 226/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2023; số 269/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp¹.

¹ Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 có căn cứ ban hành như sau:
“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 12 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Thủ đô sửa đổi ngày 28 tháng 6 năm 2024;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước 2015;
Căn cứ Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do NSNN bảo đảm kinh phí;
Căn cứ Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính về quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước;

Xét Tờ trình số 480/TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi về hoạt động đối ngoại của Thành phố; Báo cáo thẩm tra số 169/BC-BKTNS ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp”.

- Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND có hiệu lực từ ngày 01 tháng 05 năm 2025 có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt

buộc; công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Xét Tờ trình số 109/TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc đề nghị ban hành Nghị quyết “Quy định công tác quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú và hỗ trợ người được phân công giúp đỡ người được giáo dục tại cấp xã; nội dung, mức chi đặc thù trong công tác cai nghiện ma túy tại các Cơ sở cai nghiện ma túy công lập; nội dung, mức chi đặc thù cho lực lượng chuyên trách, thực hiện phòng, chống ma túy thuộc các cơ quan chuyên trách, thực hiện nhiệm vụ phòng, chống ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội”; Báo cáo thẩm tra số 26/BC-BPC ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo giải trình, tiếp thụ số 144/BC-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;”.

- Nghị quyết số 27/2026/NQ-HĐND có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 115/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 262/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Xét Tờ trình số 160/TTr-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số 37/BC-BKHCNMT ngày 31 tháng 5 năm 2026 của Ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo giải trình, tiếp thụ số 194/BC-UBND ngày 01/6/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;”.

- Nghị quyết số 76/2026/NQ-HĐND có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026 có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 109/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 37/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia;

Xét Tờ trình số 309/TTr-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 và Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 23/09/2021 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra số 74/BC-BKTNS ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội

đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.”

- Nghị quyết số 77/2026/NQ-HĐND có hiệu lực kể từ ngày ngày 25 tháng 7 năm 2026 có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam số 75/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 97/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg ngày 22/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 337/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho hoạt động giám sát, phân biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 310/TTr-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung Phụ lục 03 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017; Phụ lục 06 ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 và Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND ngày 02/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố; Báo cáo thẩm tra số 75/BC-BKTNS ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.”

- Nghị quyết số 82/2026/NQ-HĐND có hiệu lực kể từ ngày ngày 25 tháng 7 năm 2026 có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 349/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu;

Căn cứ Thông tư số 140/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí;

Xét Tờ trình số 288/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết quy định một số chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao Hà Nội tham gia tập trung tập huấn, thi đấu; Báo cáo thẩm tra số 104/BC-BVHXH ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội; Báo cáo giải trình, tiếp thu số 324/BC-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội tại kỳ họp;”

- Nghị quyết số 90/2026/NQ-HĐND có hiệu lực kể từ ngày ngày 25 tháng 7 năm 2026 có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16; Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy số 120/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 163/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy;

Xét Tờ trình số 323/TTr-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi đặc thù hỗ trợ công tác phòng, chống ma túy của thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số 118/BC-BPC ngày 11 tháng 7 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo số 330/BC-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân Thành phố, cụ thể

1. Quy định một số nội dung chi, mức chi tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm*).

2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung chi và mức chi quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định nội dung và mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách Thành phố bảo đảm (*Chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm*)².

3. Sửa đổi, bổ sung mục 9, phần III, Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định nội dung chi và mức chi thực hiện công tác điều tra dư luận xã hội của thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục 03 đính kèm*)³.

4. Sửa đổi, bổ sung chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục 04 đính kèm*)⁴.

5. Sửa đổi mức chi quy định tại mục 1, Biểu số 03, Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ chi tiếp khách trong nước của thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục 05 đính kèm*)⁵.

6. Quy định một số nội dung, mức chi phục vụ các Đại hội nhiệm kỳ của các tổ chức chính trị xã hội, các Hội có tính chất đặc thù của Thành phố; các chương trình làm việc của Thành phố và các Hội nghị, sự kiện diễn ra trên địa bàn Thủ đô (*Chi tiết tại Phụ lục 06 đính kèm*)⁶;

Thành phố tiếp thu, giải trình báo cáo thẩm tra; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp; ”.

² Được thực hiện hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật tại Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc quy định một số chính sách, nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

³ Được thực hiện hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.

⁴ Được thực hiện hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật tại Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.

⁵ Được thực hiện hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật tại Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.

⁶ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị quyết số 77/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2026 của HĐND Thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Phụ lục 03 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2017; Phụ lục 06 ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-

7. Quy định nội dung, mức chi đối với dự án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng để phát triển sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (*Chi tiết tại Phụ lục 07 đính kèm*);

8. Quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục 08 đính kèm*)⁷;

9.⁸(bãi bỏ, hết hiệu lực).

10. Quy định một số nội dung, mức chi tập huấn, thi đấu và thuê chuyên gia huấn luyện các đội tuyển thể thao Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục 10 đính kèm*)⁹;

11. Quy định chế độ hỗ trợ đối với thầy thuốc đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Thầy thuốc Nhân dân”, “Thầy thuốc Ưu tú” của thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục 11 đính kèm*);

12. Quy định chế độ hỗ trợ đối với nhà giáo được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú” của thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục 12 đính kèm*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện¹⁰

HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 và Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

⁷ Mục II, phần III khoản này được thay thế theo quy định tại Nghị quyết số 27/2026/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của HĐND Thành phố quy định một số nội dung và định mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội.

⁸ Khoản này bãi bỏ, hết hiệu lực theo quy định tại Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của HĐND Thành phố quy định một số nội dung chi, mức chi đặc thù hỗ trợ công tác phòng, chống ma túy của thành phố Hà Nội và Nghị quyết số 90/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2026 của HĐND Thành phố có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

⁹ Mục 2.1 khoản 2 phần III khoản này hết hiệu lực theo Nghị quyết số 82/2026/NQ-HĐND có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

¹⁰ Điều 2 Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố: Tổ chức thực hiện Nghị quyết này; rà soát bãi bỏ các quy định đã ban hành trước đây không còn phù hợp với quy định tại Nghị quyết này và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết”.

- Điều 6 Nghị quyết số 27/2026/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện các nội dung được quy định tại Nghị quyết này; chỉ đạo cơ quan chuyên môn theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết định kỳ hằng năm hoặc đột xuất. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, kịp thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp với điều kiện của Thành phố.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phối hợp tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết”.

- Điều 4 Nghị quyết số 76/2026/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026 quy định như sau:

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

Tổ chức thực hiện Nghị quyết này; rà soát bãi bỏ các quy định đã ban hành trước đây không còn phù hợp với quy định tại Nghị quyết này và các quy định pháp luật có liên quan;

“Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này;

b) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội để xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị quyết cho phù hợp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết”.

- Điều 2 Nghị quyết số 77/2026/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này;

b) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội để xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị quyết cho phù hợp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết”.

- Điều 11 Nghị quyết số 82/2026/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 11. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này bảo đảm đúng đối tượng, đúng chế độ, công khai, minh bạch; thực hiện sơ kết, tổng kết việc thi hành Nghị quyết theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân Thành phố;

b) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội kịp thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị quyết cho phù hợp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết”.

- Điều 4 Nghị quyết số 90/2026/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 4. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức thực hiện các quy định của Nghị quyết; ban hành hướng dẫn việc thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết, quy định cụ thể đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ chuyên trách công tác phòng, chống ma túy đảm bảo thống nhất trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết;

b) Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra và trách nhiệm giải trình trong việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định;

c) Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thường xuyên rà soát, đánh giá sự cần thiết, phù hợp của văn bản được ban hành theo quy định của Nghị quyết này với quy định mới của pháp luật và yêu cầu của thực tiễn.

d) Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, nếu phát sinh vướng mắc, Ủy ban nhân dân Thành phố kịp thời tổng hợp, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố để sửa đổi, bổ sung các quy định cho phù hợp với tình hình thực tiễn triển khai tại thành phố Hà Nội.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố Hà Nội phối hợp tuyên truyền, vận động, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, trách nhiệm liên quan không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các quy định tại Nghị quyết này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bồi thường theo quy định của pháp luật”.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp thành phố Hà Nội tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành¹¹

¹¹ - Điều 3 Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này thay thế Phụ lục số 02 Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 08 tháng 07 năm 2019 và Phụ lục số 04 Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 07 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.

2. Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025”.

- Điều 4 Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2025 quy định như sau

“Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2025.

2. Bãi bỏ khoản 5 Điều 1 và Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân 3 Thành phố; khoản 9 Điều 1 và Phụ lục số 09 ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố; khoản 1, 2 Điều 1 và Phụ lục số 01, 02, 03 ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố.”

- Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 27/2026/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 quy định như sau

“Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026. 2. Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này thay thế mục II phần III Phụ 4 lục 08 ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số nội dung chi và mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội; mục 1, mục 2 khoản 3 Phụ lục 03 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định nội dung, mức chi và nguồn kinh phí thực hiện hoạt động thẩm định công nghệ dự án đầu tư của thành phố Hà Nội. Các nội dung bị thay thế nêu trên hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành. 3. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 thì được tiếp tục áp dụng nội dung chi và định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Phụ lục 08 ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội. 2. Đối với hồ sơ đề nghị thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực mà chưa được giải quyết thì tiếp tục áp dụng nội dung chi, mức chi theo quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVII, Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 02 tháng 6 năm 2026”.

- Điều 5 Nghị quyết số 76/2026/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

2. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVII, nhiệm kỳ 2026-2031, kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2026./.”

- Điều 3 Nghị quyết số 77/2026/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

2. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

1. Nghị quyết này bãi bỏ các quy định sau:

- Các nội dung, mức chi quy định tại tiểu mục 3.3 mục 3 Phụ lục 05 Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định một số nội dung chi, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.

- Mức hỗ trợ và đóng góp tiền ăn, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 2 và khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định chính sách hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và chính sách hỗ trợ, chế độ đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định tại Thông tư số 124/2018/TT-BTC;

- Phụ lục 02 quy định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách của thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVII, nhiệm kỳ 2026-2031, kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2026./."

- Điều 12, Điều 13 Nghị quyết số 82/2026/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026 quy định như sau:

"Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

2. Các quy định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao đạt thành tích cao trong các giải thi đấu quốc tế, khu vực, quốc gia của thành phố Hà Nội;

b) Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao;

c) Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chi tiết mức chi chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao của thành phố Hà Nội;

d) Mục 2.1 khoản 2 phần III Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số nội dung, mức chi tập huấn, thi đấu và thuê chuyên gia huấn luyện các đội tuyển thể thao Hà Nội.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với chế độ, chính sách, nhiệm vụ tập huấn, thi đấu, hồ sơ thanh toán, quyết toán kinh phí và chế độ tiền thưởng đã phát sinh trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật đang áp dụng tại thời điểm phát sinh.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVII, nhiệm kỳ 2026-2031, kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2026./."

- Điều 5 Nghị quyết số 90/2026/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026 quy định như sau:

"Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số nội dung, mức chi đặc thù hỗ trợ công tác phòng, chống ma túy của thành phố Hà Nội và khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 18/2015/NQ-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định cụ thể về các chính sách hỗ trợ, chế độ thù lao và kinh phí hoạt động cho Đội công tác xã hội tình nguyện tại các xã, phường, thị trấn hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVII, Kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2026".

nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số chính sách, nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

2. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3¹². Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 04 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực thi hành từ ngày 14 tháng 7 năm 2023./.

¹² Được sửa đổi tại Điều 3 Nghị quyết số 76/2026/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

**PHỤ LỤC 01****QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG CHI, MỨC CHI TỔ CHỨC THỰC HIỆN
BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI
ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*(Kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

I. Phạm vi điều chỉnh

Quy định một số nội dung chi và mức chi tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

II. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố.

- Các đối tượng khác có liên quan tới việc lập, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố.

III. NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI

TT	Nội dung	Mức chi
1	Chi tuyên truyền các chính sách, chế độ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; chi thông báo, tuyên truyền vận động các đối tượng thực hiện quyết định cưỡng chế kiểm đếm, quyết định cưỡng chế thu hồi đất; chi điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, kiểm tra, đối chiếu giữa tờ khai với kết quả kiểm kê; chi lập, thẩm định, chấp thuận, phê duyệt, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; chi tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; chi phục vụ việc hướng dẫn thực hiện, giải quyết những vướng mắc trong tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; chi kiểm tra đôn đốc tiến độ giải phóng mặt bằng	Tối đa 100.000 đồng/người/buổi
2	Chi tiền nước uống cho cán bộ đi khảo sát thực tế tại thực địa để phục vụ công tác xác định đơn giá, xây dựng cơ chế chính sách, giải quyết vướng mắc về cơ chế chính sách	Tối đa 20.000 đồng/người/buổi

3	Chi bảo hộ lao động cho cán bộ thường xuyên trực tiếp làm công tác kiểm đếm, điều tra khảo sát giải phóng mặt bằng, cưỡng chế kiểm đếm	Tối đa 1.000.000 đồng/người/năm
4	Chi hỗ trợ	
4.1	Chi hỗ trợ tiền điện thoại:	Tối đa 200.000 đồng/người/tháng
4.2	Chi hỗ trợ xăng xe:	Tối đa 500.000 đồng/người/tháng
5	Chi hỗ trợ cho cán bộ tham gia công tác bồi thường giải phóng mặt bằng của Hội đồng giải phóng mặt bằng cấp huyện (không áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp đã hưởng hệ số thu nhập tăng thêm theo quy định hiện hành)	
-	Chi hỗ trợ Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng giải phóng mặt bằng	Tối đa 500.000 đồng/người/dự án; Trường hợp tham gia nhiều dự án, mức chi tối đa không quá 3.000.000 đồng/người/tháng
-	Chi hỗ trợ Tổ giúp việc Hội đồng và cán bộ trực tiếp tham gia công tác giải phóng mặt bằng	Tối đa 300.000 đồng/người/dự án; Trường hợp tham gia nhiều dự án, mức chi tối đa không quá 2.000.000 đồng/người/tháng
-	Chi hỗ trợ các thành viên tổ công tác, cán bộ làm các công việc khác có liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng	Tối đa 200.000 đồng/người/dự án; Trường hợp tham gia nhiều dự án, mức chi tối đa không quá 1.000.000 đồng/người/tháng

** Tùy tính chất, đặc điểm của từng dự án, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quyết định mức chi cụ thể cho từng nội dung, đảm bảo không được vượt quá nguồn kinh phí được trích cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng, cưỡng chế kiểm đếm và cưỡng chế thu hồi đất theo quy định tại Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ và Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính.*

**PHỤ LỤC 02**

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI QUY ĐỊNH TẠI
PHỤ LỤC 01 BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 22/2016/NQ-HĐND
NGÀY 08 THÁNG 12 NĂM 2016 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
HÀ NỘI VỀ VIỆC QUY ĐỊNH NỘI DUNG VÀ MỨC CHI CỦA CÁC CUỘC
ĐIỀU TRA THỐNG KÊ DO NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ BẢO ĐẢM**

*(Kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

Được thực hiện hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật tại Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc quy định một số chính sách, nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

**PHỤ LỤC 03****SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỤC 9, PHẦN III, PHỤ LỤC 01 BAN HÀNH KÈM
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 03/2021/NQ-HĐND NGÀY 23 THÁNG 9 NĂM
2021 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI VỀ VIỆC QUY
ĐỊNH NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐIỀU TRA
DỰ LUẬN XÃ HỘI CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*(Kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của
Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

Được thực hiện hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 23/09/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.

**PHỤ LỤC 04**

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CHẾ ĐỘ TIẾP KHÁCH NƯỚC NGOÀI VÀO LÀM VIỆC TẠI VIỆT NAM, CHẾ ĐỘ TỔ CHỨC HỘI NGHỊ, HỘI THẢO QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM QUY ĐỊNH TẠI PHỤ LỤC 02 BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 03/2019/NQ-HĐND NGÀY 08 THÁNG 7 NĂM 2019 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Được thực hiện hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật tại Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 08/07/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.

**PHỤ LỤC 05**

**SỬA ĐỔI MỨC CHI QUY ĐỊNH TẠI MỤC 1, BIỂU SỐ 03, PHỤ LỤC 02
BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 03/2019/NQ-HĐND NGÀY 08
THÁNG 7 NĂM 2019 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ TIẾP KHÁCH NƯỚC NGOÀI VÀO LÀM VIỆC TẠI
VIỆT NAM, CHẾ ĐỘ CHI TỔ CHỨC HỘI NGHỊ, HỘI THẢO QUỐC TẾ
TẠI VIỆT NAM VÀ CHẾ ĐỘ CHI TIẾP KHÁCH TRONG NƯỚC CỦA
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*(Kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của
Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

Được thực hiện hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật tại Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 08/07/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.

**PHỤ LỤC 06****QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG, MỨC CHI PHỤC VỤ CÁC ĐẠI HỘI NHIỆM KỲ CỦA CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI, CÁC HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ CỦA THÀNH PHỐ; CÁC CHƯƠNG TRÌNH LÀM VIỆC CỦA THÀNH PHỐ VÀ CÁC HỘI NGHỊ, SỰ KIỆN DIỄN RA TRÊN ĐỊA BÀN THỦ ĐÔ**

(Kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

I. Phạm vi điều chỉnh

Quy định một số nội dung, mức chi phục vụ các đại hội nhiệm kỳ của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn thành phố Hà Nội; các chương trình làm việc của Thành phố và các hội nghị, sự kiện diễn ra trên địa bàn Thủ đô¹³.

II. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức chính trị - xã hội, các Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn thành phố Hà Nội¹⁴.

III. Nội dung chi và mức chi

1. Chi vật phẩm kỷ niệm tại các Đại hội nhiệm kỳ¹⁵:

a) Đại hội nhiệm kỳ của Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn thành phố Hà Nội:

- Cấp Thành phố: tối đa 500.000 đồng/người;
- Cấp xã: tối đa 400.000 đồng/người.

b) Đại hội nhiệm kỳ của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội:

- Cấp Thành phố: tối đa 800.000 đồng/người;
- Cấp xã: tối đa 600.000 đồng/người.

2. Chi quảng bá các sản phẩm có đóng góp cho nền kinh tế Thủ đô tại các chương trình làm việc của Thành phố và các Hội nghị, sự kiện diễn ra trên địa bàn Thủ đô do cấp Thành phố tổ chức, tham dự:

a) Chương trình làm việc của Thành phố tại các địa phương bạn:

- Lãnh đạo tỉnh, Thành phố: tối đa 1.500.000 đồng/người.

¹³ Được sửa đổi, bổ sung bởi mục 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 77/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

¹⁴ Được sửa đổi, bổ sung bởi mục 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 77/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

¹⁵ Được sửa đổi, bổ sung bởi mục 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 77/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

- Tập thể: tối đa 10.000.000 đồng.

b) Chương trình làm việc của lãnh đạo Thành phố với các đoàn khách tại Thủ đô:

- Trưởng đoàn: tối đa 1.500.000 đồng/người.

- Thành viên: tối đa 800.000 đồng/người.

- Tập thể: tối đa 10.000.000 đồng.

c) Các Hội nghị, sự kiện diễn ra trên địa bàn Thủ đô do cấp Thành phố tổ chức, tham dự: tối đa 1.000.000 đồng/người.

Căn cứ chủ trương của cấp có thẩm quyền, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức quyết định mức chi cụ thể trong phạm vi dự toán được giao nhưng tối đa không vượt quá mức chi nêu trên.

IV. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách Nhà nước theo phân cấp. Riêng năm 2026, Ngân sách cấp Thành phố bổ sung có mục tiêu phần kinh phí tăng thêm cho ngân sách cấp xã¹⁶.

¹⁶ Được sửa đổi, bổ sung bởi mục 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 77/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

**PHỤ LỤC 07**

**QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI ĐỐI VỚI DỰ ÁN PHÁT TRIỂN
SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP, PHÁT HUY TIỀM NĂNG, THỂ
MẠNH CỦA VÙNG ĐỂ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT HÀNG HÓA
THEO CHUỖI GIÁ TRỊ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC
GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC
THiểu SỐ VÀ MIỀN NÚI CỦA THỦ ĐÔ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN
2021 - 2030, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025**

*(Kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định nội dung, mức chi đối với dự án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thể mạnh của vùng để phát triển sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

2. Đối tượng và điều kiện áp dụng

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo người dân tộc thiểu số tại các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện đang sản xuất nông nghiệp có nhu cầu được hỗ trợ.

- Doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), Hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số.

II. NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI**1. Điều kiện, nội dung, mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị****a) Điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**

Thực hiện theo khoản 1 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Nội dung, mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

- Chi hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết: Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng hợp đồng liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, phương án phát triển thị trường tối đa không quá 300 triệu đồng, bao gồm:

Chi khảo sát, điều tra xác định, lựa chọn địa bàn thực hiện kế hoạch liên kết và các hộ có nhu cầu, điều kiện để tham gia kế hoạch liên kết, nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Biểu số 01 kèm theo Phụ lục này.

Chi nghiên cứu, lập và xây dựng kế hoạch liên kết, phương án sản xuất, nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Biểu số 02 kèm theo Phụ lục này.

- Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, quản trị chuỗi giá trị, năng lực tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ: Nội dung và mức chi thực hiện theo điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính.

- Hỗ trợ tối đa không quá 70% kinh phí mua nguyên liệu, giống cây, con, vật tư kỹ thuật (phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật) theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 03 chu kỳ sản xuất cho hộ nghèo, cận nghèo là người dân tộc thiểu số.

Mức hỗ trợ tối đa không vượt quá 50% tổng chi phí thực hiện 01 kế hoạch liên kết.

Trường hợp cùng một thời điểm, nội dung có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác nhau (kể cả từ các chương trình, dự án khác), đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ có lợi nhất.

2. Điều kiện, nội dung, mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

a) Điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

- Sau tối đa 30 ngày kể từ ngày cơ quan, đơn vị được giao vốn có văn bản gửi đến UBND huyện, xã để thông báo tới các doanh nghiệp, hợp tác xã đề nghị đăng ký tham gia chuỗi liên kết nhưng không có sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã thì các đối tượng được hỗ trợ chuyển sang thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ.

- Tối thiểu 70% phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước phải được dùng để hỗ trợ các hoạt động phát triển sản xuất liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất của người dân.

b) Nội dung, mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

Nội dung, mức chi thực hiện theo quy định tại Phụ lục 05 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số nội dung, mức chi đối với hoạt động Khuyến nông trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Kinh phí thực hiện một (01) dự án tối đa không quá 03 tỷ đồng. Khuyến khích bên nhận đặt hàng, các hộ gia đình, cộng đồng tham gia dự án có đóng góp đối ứng (bằng tiền, ngày công, hoặc hiện vật).

III. PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN

1. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

- Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Mẫu đơn, biểu mẫu kế hoạch đối với hỗ trợ liên kết theo chuỗi giá trị theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ; thực hiện hoàn trả toàn bộ kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp không thực hiện đầy đủ các nội dung trong kế hoạch liên kết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng với đơn vị chủ trì liên kết triển khai thực hiện kế hoạch liên kết; giám sát, thanh toán, giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động của kế hoạch liên kết theo tiến độ thực hiện được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

Thực hiện theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

IV. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Ngân sách Thành phố.

**BIỂU SỐ 01 - PHỤ LỤC 07****CHI KHẢO SÁT, ĐIỀU TRA XÁC ĐỊNH, LỰA CHỌN ĐỊA BÀN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH LIÊN KẾT VÀ CÁC HỘ CÓ NHU CẦU, ĐIỀU KIỆN THAM GIA LIÊN KẾT**

STT	Nội dung	Mức chi
1	Chi xây dựng phương án điều tra và lập mẫu phiếu điều tra	Theo quy định tương ứng của Thành phố về mức chi của các cuộc điều tra, thống kê do ngân sách Thành phố đảm bảo (Phụ lục 01 của Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 và Phụ lục 02 của Nghị quyết này) ¹⁷
2	Chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả khảo sát, điều tra	
3	Chi tiền công khảo sát điều tra	
	Chi tiền công khảo sát điều tra	
	Chi tiền công cho người dẫn đường	
4	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin	
a)	Đối với cá nhân	
	Dưới 30 chỉ tiêu hoặc 30 chỉ tiêu	
	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	
	Trên 40 chỉ tiêu	
b)	Đối với tổ chức (<i>Không bao gồm các cơ quan, đơn vị của nhà nước thực hiện cung cấp thông tin theo quy định</i>)	
	Dưới 30 hoặc 30 chỉ tiêu	
	Từ 31 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	
	Trên 40 chỉ tiêu	
c)	Đối tượng cung cấp thông tin là cơ quan đơn vị của nhà nước	
5	Chi vận chuyển tài liệu khảo sát, điều tra, thuê xe phục vụ khảo sát điều tra	
6	Chi xử lý kết quả khảo sát điều tra	
7	Các khoản chi khác liên quan đến khảo sát, điều tra (<i>Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, xăng xe và các khoản chi phí khác để thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công tác khảo sát điều tra</i>)	

¹⁷ Được sửa đổi, bổ sung một số điều theo quy định tại Nghị quyết số 76/2026/NQ-HĐND ngày 15/7/2026 của HĐND Thành phố.

**BIỂU SỐ 02 - PHỤ LỤC 07****CHI NGHIÊN CỨU, LẬP VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH LIÊN KẾT,
PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT**

TT	Chức danh/Nội dung công việc	Mức chi
I	Hệ số công lao động của các chức danh xây dựng nhiệm vụ liên kết <i>(tính theo mức lương cơ sở hiện hành)</i>	Theo quy định tương ứng của Thành phố về định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội tại phụ lục 08 của Nghị quyết này
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	
2	Thư ký	
3	Thành viên chính	
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	
II	Chi vật tư, văn phòng phẩm: Thanh toán theo thực tế	



PHỤ LỤC 08

QUY ĐỊNH ĐỊNH MỨC LẬP DỰ TOÁN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÓ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

I. Phạm vi điều chỉnh

Quy định định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây viết là KH&CN) cấp Thành phố, mức chi các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ KH&CN của cơ quan có thẩm quyền. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

II. Đối tượng áp dụng

Cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN; cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách của Thành phố; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách của Thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

III. Quy định cụ thể định mức lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách của thành phố Hà Nội

STT	Nội dung chi	Định mức xây dựng dự toán
I	Định mức làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ KH&CN	
1	Chi thù lao tham gia nhiệm vụ KH&CN	
a	Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN	Tiền thù lao được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong trường hợp thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN không đủ tháng, dự toán chi thù lao được tính theo mức thù lao của số ngày tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN của chức danh hoặc nhóm chức danh tương ứng. Mức thù lao ngày được tính trên cơ sở mức thù lao của một tháng chia cho 22 ngày. Thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN tối đa không quá 40 triệu đồng/người/tháng; đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ. Các chức danh hoặc nhóm chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN và hệ số lao động khoa học của các chức danh hoặc nhóm

		chức danh thực hiện theo Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước
b	Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có)	Tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ KH&CN (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 22 ngày)
2	Thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài phối hợp nghiên cứu	
	Thuê chuyên gia trong nước	Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia để thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt nội dung công việc và dự toán thuê chuyên gia. Căn cứ lập dự toán chi thuê chuyên gia trong nước thực hiện theo mức lương quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi thù lao thực hiện nhiệm vụ KH&CN Trường hợp dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN phải giải trình cụ thể lý do, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN Việc xác định trường hợp áp dụng dự toán thuê chuyên gia trong nước vượt mức 30% tổng dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN

		Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thuyết minh rõ sự cần thiết, kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho Hội đồng tư vấn đánh giá xem xét theo biên bản thương thảo nội dung yêu cầu công việc và mức thù lao chuyên gia giữa tổ chức đăng ký chủ trì và chuyên gia ngoài nước; Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ KH&CN
	Thuê chuyên gia ngoài nước	Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN phải giải trình cụ thể lý do để Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ Việc xác định trường hợp áp dụng dự toán thuê chuyên gia ngoài nước vượt mức 50% tổng dự toán chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN.
3	Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định	Thực hiện theo chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có); Thanh toán theo Hợp đồng và thực tế phát sinh
4	Dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu	Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí. Phụ lục số 03 Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội. Phụ lục số 02 Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định

		chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ chi tiếp khách trong nước của thành phố Hà Nội.
	Ngoài ra, chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:	
	Người chủ trì	2.000.000 đồng/buổi hội thảo
	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	500.000 đồng/buổi
	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	3.000.000 đồng/báo cáo
	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo	1.500.000 đồng/báo cáo
	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	300.000 đồng/thành viên/buổi
5	Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu	Theo quy định nội dung và mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách Thành phố đảm bảo tại Phụ lục số 01 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội và phụ lục số 02 của Nghị quyết này.
6	Chi họp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có)	
a	Chi họp Hội đồng	
	Chủ tịch Hội đồng	900.000 đồng/người/nhiệm vụ
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng	750.000 đồng/người/nhiệm vụ
	Thư ký khoa học	150.000 đồng/người/nhiệm vụ
	Thư ký hành chính	150.000 đồng/người/nhiệm vụ
	Đại biểu được mời tham dự	100.000 đồng/người/nhiệm vụ
b	Chi nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	350.000 đồng/01 phiếu nhận xét đánh giá
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng	500.000 đồng/01 phiếu nhận xét đánh giá
c	Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng	750.000 đồng/chuyên gia
7	Chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN	5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước

		nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng/nhiệm vụ
8	Các khoản chi khác liên quan đến triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có)	Thực hiện dự toán theo thuyết minh hoặc theo quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có)
II ¹⁸		

IV. Nguồn kinh phí thực hiện
Ngân sách cấp Thành phố.

¹⁸ Được thay thế bởi Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2026/NQ-HĐND của HĐND Thành phố, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

PHỤ LỤC 09¹⁹

¹⁹ Phụ lục này bãi bỏ, hết hiệu lực bởi Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND của HĐND Thành phố, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2025, Nghị quyết 90/2026/NQ-HĐND của HĐND Thành phố có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

**PHỤ LỤC 10****QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG CHI, MỨC CHI TẬP HUẤN, THI ĐẤU VÀ THUÊ CHUYÊN GIA HUẤN LUYỆN CÁC ĐỘI TUYỂN THỂ THAO HÀ NỘI**

(Kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

I. Phạm vi điều chỉnh

Quy định một số nội dung chi, mức chi tập huấn, thi đấu và thuê chuyên gia huấn luyện các đội tuyển thể thao Hà Nội.

II. Đối tượng áp dụng

Các đối tượng không phải là cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, bao gồm: huấn luyện viên, vận động viên, trọng tài, bác sỹ, chuyên gia, phiên dịch.

III. Nội dung chi và mức chi**1. Các chế độ chi thực hiện nhiệm vụ tại nước ngoài**

1.1. Các khoản chi phí: Thủ tục lưu trú, tạm trú, chi phí khám sức khỏe, điều trị cho huấn luyện viên, vận động viên ốm đau, chấn thương trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tại nước ngoài, thực phẩm chức năng, nước uống

a) Thủ tục lưu trú, tạm trú: Theo quy định của nước sở tại, mức chi tối đa: 9.000 USD/đoàn/đợt.

b) Chi phí khám sức khỏe, điều trị cho huấn luyện viên, vận động viên ốm đau, chấn thương trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tại nước ngoài: Theo quy định của Bộ Y tế và báo giá của cơ sở y tế nơi thăm khám, điều trị.

c) Thực phẩm chức năng (theo danh mục thực phẩm chức năng quy định tại Quyết định số 1952/QĐ-BVHTTDL ngày 18/8/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và yêu cầu chuyên môn): Thanh toán theo thực tế, mức chi tối đa: 10 USD/người/ngày.

d) Nước uống: Tối đa 2 USD/người/buổi.

1.2. Thuê địa điểm tập, thuê trang thiết bị, phí tập luyện, lệ phí thi đấu và các loại phí khác

a) Thuê địa điểm tập, thuê trang thiết bị, phí tập luyện: Theo báo giá hoặc thư mời của trung tâm thể thao, cơ sở đào tạo ở nước ngoài. Mức chi tối đa: 250.000 USD/đoàn/đợt.

b) Lệ phí thi đấu và các loại phí khác: Theo điều lệ giải quy định.

1.3. Mua trang thiết bị tập huấn, thi đấu (theo Luật thi đấu và điều lệ giải, phù hợp với nhu cầu sử dụng của vận động viên đảm bảo phục vụ tập huấn, thi đấu): Thanh toán theo thực tế, mức chi tối đa: 4.500 USD/đoàn/đợt.

2. Các chế độ chi thực hiện nhiệm vụ trong nước

2.1.²⁰

2.2. Các khoản chi phí: Khám sức khỏe, ốm đau, chấn thương trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, thực phẩm chức năng, nước uống.

a) Chi phí khám sức khỏe, điều trị cho huấn luyện viên, vận động viên ốm đau, chấn thương trong quá trình thực hiện nhiệm vụ: Theo quy định của Bộ Y tế và báo giá của cơ sở y tế nơi thăm khám, điều trị.

b) Thực phẩm chức năng (theo danh mục thực phẩm chức năng quy định tại Quyết định số 1952/QĐ-BVHTTDL ngày 18/8/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và yêu cầu chuyên môn): Thanh toán theo thực tế, mức chi tối đa: 100.000 đồng/người/ngày.

c) Nước uống: Tối đa 20.000 đồng/người/buổi.

2.3. Thuê địa điểm tập, thuê trang thiết bị, phí tập luyện, lệ phí thi đấu và các loại phí khác

a) Thuê địa điểm tập, thuê trang thiết bị, phí tập luyện: Theo báo giá hoặc thư mời của trung tâm thể thao, cơ sở đào tạo ở trong nước. Mức chi tối đa: 200.000.000 đồng/đoàn/đợt.

b) Lệ phí thi đấu và các loại phí khác: Theo điều lệ giải quy định.

2.4. Mua trang thiết bị tập huấn, thi đấu (theo Luật thi đấu và điều lệ giải, phù hợp với nhu cầu sử dụng của vận động viên đảm bảo phục vụ tập huấn, thi đấu): Thanh toán theo thực tế, mức chi tối đa: 100.000.000 đồng/đoàn/đợt.

3. Thuê chuyên gia, phiên dịch

3.1. Chuyên gia nước ngoài

a) Tiền lương Chuyên gia huấn luyện các môn Nhóm I (nhóm các môn Olympic, Asiad): Điền kinh, Thể thao dưới nước (Nhảy cầu, Bơi), Thể dục dụng cụ, Cử tạ, Taekwondo, Vật, Bắn súng, Boxing, Cầu lông, Bóng bàn, Bóng đá, Đấu kiếm, Bắn cung, Đua thuyền, Xe đạp, Judo, Wushu, Cầu mây, Karatedo: Tối đa 8.000 USD/người/tháng (đã bao gồm thuế thu nhập cá nhân).

b) Tiền lương Chuyên gia huấn luyện các môn Nhóm II (các môn còn lại): Bóng chuyền, Bóng rổ, Cờ, Quần vợt, Lặn, Bì sắt, Khiêu vũ thể thao, Đá cầu, Sport Aerobic, Vovinam, Pencak silat, Thể hình, Billiard - Snooker, Kurash; Golf, Bowling Bóng ném, Võ cổ truyền, Bóng gỗ, Kick Boxing, Muay...: Tối đa 5.000 USD/người/tháng (đã bao gồm thuế thu nhập cá nhân).

c) Các khoản chi phí giao thông Quốc tế, visa (trong thời gian hợp đồng lao động của Chuyên gia có hiệu lực): Theo báo giá và quy định của pháp luật Việt Nam.

²⁰ Hết hiệu lực bởi Nghị quyết số 82/2026/NQ-HĐND của HĐND Thành phố, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

d) Các khoản chi phí khám chữa bệnh, chấn thương do huấn luyện tại Việt Nam (trong thời gian hợp đồng lao động của Chuyên gia có hiệu lực): Theo quy định của Bộ Y tế và báo giá của cơ sở y tế nơi thăm khám, điều trị.

3.2. *Lương phiên dịch (phục vụ cho chuyên gia nước ngoài):* Tối đa 15.000.000 đồng/người/tháng.

3.3. *Tiền ăn cho chuyên gia nước ngoài làm việc tại Việt Nam:* 240.000 đồng/người/ngày.

3.4. *Tiền lương chuyên gia trong nước:* Tối đa 20.000.000 đồng/người/tháng.

Đối với các nội dung chi thanh toán theo thực tế: thanh, quyết toán theo hóa đơn, chứng từ hợp lệ, phù hợp với lịch trình làm việc và căn cứ theo hợp đồng ký kết giữa Trường đoàn đi tập huấn, thi đấu với đơn vị cung cấp dịch vụ. Trường hợp hóa đơn, chứng từ bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch ra tiếng Việt. Riêng các khoản chi thuê, mua trang thiết bị tập huấn, thi đấu phải lập danh mục, dự toán chi tiết các khoản chi phí thuê, mua và được cấp có thẩm quyền đồng ý, phê duyệt dự toán và tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành.

Đối với mức chi tối đa: được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán cụ thể trong phạm vi dự toán được giao nhưng tối đa không vượt quá mức chi nêu trên.

III. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách cấp Thành phố.

**PHỤ LỤC 11****QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ ĐỐI VỚI THẦY THUỐC ĐÃ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC PHONG TẶNG DANH HIỆU “THẦY THUỐC NHÂN DÂN”, “THẦY THUỐC ƯU TÚ” CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

I. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chế độ hỗ trợ đối với thầy thuốc đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Thầy thuốc Nhân dân”, “Thầy thuốc Ưu tú” của thành phố Hà Nội.

II. Đối tượng áp dụng

Thầy thuốc được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Thầy thuốc Nhân dân”, “Thầy thuốc Ưu tú” và còn sống (dự Hội đồng xét tặng “Thầy thuốc Nhân dân”, “Thầy thuốc Ưu tú” thành phố Hà Nội đề xuất và được Chủ tịch nước phong tặng).

III. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ một lần đối với thầy thuốc đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Thầy thuốc Nhân dân”, “Thầy thuốc Ưu tú” của thành phố Hà Nội, cụ thể:

Đối với “Thầy thuốc Nhân dân”: 20.000.000 đồng/người *(Hai mươi triệu đồng)*.

Đối với “Thầy thuốc Ưu tú”: 15.000.000 đồng/người *(Mười lăm triệu đồng)*.

IV. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách cấp Thành phố.

**PHỤ LỤC 12****QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO ĐÃ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC PHONG TẶNG DANH HIỆU “NHÀ GIÁO NHÂN DÂN”, “NHÀ GIÁO ƯU TÚ” CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

I. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chế độ hỗ trợ đối với nhà giáo đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú” của thành phố Hà Nội.

II. Đối tượng áp dụng

Nhà giáo được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú” và còn sống (do Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú” thành phố Hà Nội đề xuất và được Chủ tịch nước phong tặng).

III. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ một lần đối với nhà giáo đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú” của thành phố Hà Nội, cụ thể:

Đối với “Nhà giáo Nhân dân”: 20.000.000 đồng/người (Hai mươi triệu đồng).

Đối với “Nhà giáo Ưu tú”: 15.000.000 đồng/người (Mười lăm triệu đồng).

IV. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách cấp Thành phố.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; 
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác của đại biểu Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&CN, Nội vụ, Tư pháp, Tài chính;
- Cục KTVB và QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Các Ban Đảng Thành ủy, VPTU;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Các vị Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các VP: Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Đảng ủy các xã, phường;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH&HĐND TP;
- Trung tâm TT, DL và CNS Thành phố;
- Lưu: VT.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI****XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2026

CHỦ TỊCH

Phùng Thị Hồng Hà